

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LƯƠNG
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 20/7/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Ngự;

Bà Đỗ Thanh Bình.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lý Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hương G - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 154/2022/HSST ngày 11 tháng 11 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST-HS, ngày 30 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Đỗ Thị L, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Tiểu khu A, xã T, huyện M, tỉnh Sơn La.

(Vắng mặt tại phiên tòa- có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn L1, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Xóm Đ, xã C, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Đỗ Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn L1 ngày 25/01/2010, trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sơn La. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại xã T, huyện T, tỉnh Điện Biên.

Vợ chồng sống hạnh phúc trong thời gian đầu. Trong cuộc sống, anh chị bất đồng quan điểm và hay cãi cọ nhau, bản thân anh L1 thường xuyên rượu chè, chơi

lô đề, chị có nghi ngờ anh L1 còn sử dụng ma túy. Anh L1 không quan tâm chăm sóc chị và con, thiếu trách nhiệm với gia đình, không đóng góp gì để xây dựng kinh tế gia đình và nuôi con. Chị đã góp ý nhiều lần nhưng anh L1 không thay đổi. Từ tháng 7 năm 2020, mâu thuẫn trầm trọng, chị và con về nhà mẹ đẻ sinh sống, anh chị ly thân từ đó đến nay. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, cương quyết xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L1.

- Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn L1 có 02 con chung là Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 15/01/2011 và Nguyễn Thị Khánh L2, sinh ngày 09/9/2016. Hiện do chị đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con cả 02 con chung. Không yêu cầu anh L1 đóng góp tiền nuôi cho chung, vì hiện chị làm giáo viên, có thu nhập từ 8 đến 9 triệu một tháng.

- Về tài sản chung: Chị và anh L1 không có tài sản chung. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản ghi lời khai, anh Nguyễn Văn L1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đỗ Thị L trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau khoảng thời gian 1 tháng, được sự đồng ý của hai bên gia đình và tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Anh chị đăng ký kết hôn ngày 25/01/2010 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sơn La.

Thời gian đầu anh và chị L chung sống hạnh phúc. Vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không trầm trọng, chủ yếu do anh chị bất đồng quan điểm về cách sống, giờ giấc làm việc. Anh đã có lần mắng chửi chị L, sau đó chị bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống. Vợ chồng ly thân từ năm 2021 đến nay. Nay chị L cương quyết xin ly hôn, anh cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh và chị Đỗ Thị L có 02 con chung là Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 15/01/2011 và Nguyễn Thị Khánh L2, sinh ngày 09/9/2016. Trong trường hợp chị L cương quyết ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục 01 con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị L cấp dưỡng. Vì hiện anh là lao động tự do, thu nhập khoảng 4 triệu đồng một tháng.

- Về tài sản chung: Anh và chị L không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để chị L và anh L1 đoàn tụ, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của anh chị. Nhưng tại phiên họp vắng mặt anh L1 nên không tiến hành hòa giải được, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhiều lần qua bà Đinh Thị T là mẹ đẻ của anh L1. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị Đỗ Thị L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn L1 vắng mặt không lý do lần thứ hai. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Đỗ Thị L yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn L1, đồng thời yêu cầu được nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu anh L1 phải đóng góp tiền nuôi con. Về tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, anh Nguyễn Văn L1 vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và của nguyên đơn. Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị L, cho chị Đỗ Thị L ly hôn anh Nguyễn Văn L1.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 15/01/2011 và cháu Nguyễn Thị Khánh L2, sinh ngày 09/9/2016 cho chị Đỗ Thị L nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung của anh, chị đủ 18 tuổi. Chị Đỗ Thị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, do đó đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh L1 cho đến khi có yêu cầu.

Về tài sản chung: Chị L và anh L1 không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo đối với bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ ý kiến đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình. Bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Vì vậy, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp lấy lời khai của đương sự nên việc xét xử có sự tham gia của Kiểm sát viên theo khoản 2, Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, anh L1 thiếu hợp tác, không đến Tòa án để làm việc, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh L1 vắng mặt tại phiên toà không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại các Điều 227; 228; 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Văn L1 và chị Đỗ Thị L tìm hiểu nhau, được sự đồng ý của hai gia đình và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh L1 là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, từ năm 2020 giữa chị L và anh L1 nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là bất đồng quan điểm và hay cãi cọ nhau, bản thân anh L1 thường xuyên rượu chè, có hành vi vi phạm pháp luật. Anh L1 không quan tâm chăm sóc chị và con, thiếu trách nhiệm với gia đình, không đóng góp gì để xây dựng kinh tế gia đình và nuôi con. Chị đã góp ý nhiều lần nhưng anh L1 không thay đổi. Nay chị L không còn quan tâm và yêu thương anh L1 nữa, chị L cương quyết xin được ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh L1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L cương quyết xin ly hôn. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị L. Cho chị L được ly hôn với anh L1 là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung: Chị Đỗ Thị L và anh Nguyễn Văn L1 có 02 con chung là Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 15/01/2011 và Nguyễn Thị Khánh L2, sinh ngày 09/9/2016. Khi ly hôn cả chị L và anh L1 đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành.

Việc giao con chung của chị L và anh L1 cho ai là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cần phải xem xét đến điều kiện nuôi dưỡng của hai anh chị, đồng thời phải bảo đảm cho con chung của anh chị phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần.

Cả chị L và anh L1 đều đang ở tuổi lao động, có nơi cư trú ổn định, đều có khả năng nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, từ khi chị L và anh L1 ly thân, chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung của anh chị. Nay cả hai cháu đang học tập sinh sống ổn định tại Tiểu khu A, xã T, huyện M, tỉnh Sơn La. Bên cạnh đó cháu Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 15/01/2011 có nguyện vọng được ở với chị L khi anh chị ly hôn. Ngược lại, anh L1 có nơi ở, có việc làm và thu nhập, tuy nhiên anh L1 thường xuyên không có mặt ở nhà. Do vậy, cần giao 02 con chung của anh chị là Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 15/01/2011 và Nguyễn Thị Khánh L2, sinh ngày 09/9/2016 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với thực tế, bảo đảm tính ổn định và đúng quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đỗ Thị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Do vậy, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh L1 cho đến khi có yêu cầu.

Anh L1 có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Chị L và anh L1 không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp và đúng pháp luật, cần được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị L.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đỗ Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn L1.

2. *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 15/01/2011 và cháu Nguyễn Thị Khánh L2, sinh ngày 09/9/2016 cho chị Đỗ Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Nguyễn Văn L1 được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh L1 (do chị L không yêu cầu)

3. *Về tài sản chung:* Chị Đỗ Thị L và anh Nguyễn Văn L1 không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Án phí và quyền kháng cáo:* Chị Đỗ Thị L phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ nhà nước. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0003515 ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho biết, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Phú Lương;
- Chi cục THADS huyện Phú Lương;
- UBND xã Tân Lập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Giang

